

## BIẾN ĐỔI CƠ CẤU TỔ CHỨC XÃ HỘI TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI CO-TU Ở HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

TRẦN THỊ MAI AN

Tổ chức xã hội truyền thống là một trong những thành tố quan trọng của văn hóa tộc người, được bảo lưu và trao truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Trong xu thế hòa nhập, giao lưu xích lại gần nhau hiện nay, như một quy luật tất yếu và/hoặc khó cưỡng lại nổi, tổ chức xã hội - cũng như những thành tố khác của văn hóa tộc người đang diễn ra sự biến đổi với một mức độ, cường độ ngày một nhanh, mạnh và đậm đặc... Người Cơ-tu ở huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế<sup>1</sup> trong thời gian qua, nhất là từ sau ngày Đổi mới (1986) tới nay, do nhiều nguyên nhân khác nhau đang diễn ra quá trình biến đổi sâu sắc toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Nghiên cứu sự biến đổi về tổ chức xã hội của cộng đồng để tìm ra những nét chung, nét đặc thù là một việc làm hết sức có ý nghĩa góp phần giải quyết mối quan hệ giữa truyền thống và đổi mới, chỉ ra các xu thế biến đổi, cũng như cần loại bỏ hay giữ gìn phát huy các nhân tố cũ trong môi trường hiện đại.

Nghiên cứu sự biến đổi về tổ chức xã hội là một hướng nghiên cứu từ lâu được nhiều học giả quan tâm tìm hiểu và có

nhiều công trình theo đó được công bố như *Các dân tộc thiểu số ở vùng Tây Nguyên Việt Nam* (Gerald Cannon Hickey, 1997); *Việc bảo tồn và phát huy giá trị kinh tế - văn hóa làng, bản vùng đồng bào các dân tộc thiểu số Quảng Nam trong thời kỳ hiện đại* (Nguyễn Tri Hùng, 2004); *Katu kẻ sống đầu ngọn nước, và Văn hóa làng miền núi Trung bộ Việt Nam: Giá trị truyền thống và những bước chuyển lịch sử (dẫn liệu từ miền núi Quảng Nam)* (Nguyễn Hữu Thông, 2004, 2005); *Tìm hiểu con người xứ Quảng* (Nguyễn Ngọc, 2005); *Góp phần tìm hiểu văn hóa Ca tu* (Luu Hùng, 2006); *Kinh nghiệm quản lý hệ sinh thái nhân văn trong vùng người Cơ-tu, Tà Ôi, Bru-Vân Kiều ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế* (Nguyễn Xuân Hồng, 2002)... Tuy nhiên, vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu trực tiếp về biến đổi tổ chức xã hội truyền thống người Cơ-tu ở huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bài viết của chúng tôi trên cơ sở tiếp cận lý thuyết biến đổi và biến đổi xã hội, dựa vào những tư liệu thực tiễn đã cố gắng làm rõ bức tranh biến đổi xã hội truyền thống của người Cơ-tu ở Nam Đông, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm bảo tồn phát huy các giá trị của tổ chức xã hội truyền thống trong giai đoạn hiện nay.

<sup>1</sup> Người Cơ-tu ở miền Trung Việt Nam có khoảng 50.000 người, trong đó, cư trú ở khu vực miền núi hai tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế có khoảng 12.892 người.

## 1. Tiếp cận lý thuyết biến đổi và biến đổi xã hội

Biến đổi là một khái niệm được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm trong những năm gần đây trên mọi lĩnh vực của cuộc sống. Dưới nhiều góc độ nhận thức, khái niệm biến đổi mang nhiều ý nghĩa về sự tích cực hoặc hạn chế nào đó. Trong nhân học văn hoá khái niệm biến đổi được ra đời từ sớm theo cách hiểu là một quy luật có tính tất yếu của cuộc sống. Từ những quan niệm trừu tượng của thuyết Khai Hoàn, xem mọi sự biến đổi của nhân loại đều chịu ảnh hưởng của Thiên Chúa giáo (coi sự vận động của thế giới là điều tất yếu để đi đến cái tốt đẹp); đến những lập luận mang tính khoa học của thuyết Tiến hoá trong bước đầu giải thích mối quan hệ giữa tiến hoá của con người và sinh vật; hay là sự mô phỏng tính chu kỳ trong quá trình sinh trưởng của mọi sự vật (có tiêu vong, biến mất và sau đó cái mới lại xuất hiện trong mô hình của thuyết Chu kỳ); hoặc những gợi mở về cơ sở biến đổi, như mô hình biến đổi của Lewin K. (1951)<sup>2</sup>; Auguste Comte (1854)<sup>3</sup>; quan điểm xung đột sẽ dẫn đến sự biến đổi của Karl Marx (1848)<sup>4</sup>; hay sự nhận định các nhân tố

<sup>2</sup> Lewin K. (1951), đưa ra mô hình biến đổi theo 3 chu trình bất ổn định (unfreezing), biến đổi (changing), và tái ổn định (refreezing).

<sup>3</sup> Auguste Comte (1854), nhà tư tưởng Pháp, nhà lý thuyết xã hội, tin tưởng rằng khi đã xác định được nguồn gốc của sự biến đổi xã hội thì chắc chắn mọi quy trình biến đổi sẽ là: khả năng biến đổi cao, theo một con đường phát triển, và những tiến bộ đương nhiên hướng đến một xã hội tốt hơn.

<sup>4</sup> Karl Heinrich Marx (1848) đã triển khai một lý thuyết tiến hoá về sự biến đổi xã hội. Ông cho rằng dựa vào sự thay đổi liên tục trong khoa học kỹ thuật mà các xã hội sẽ đi từ mức đơn giản đến phức tạp. Ở mỗi trạng thái/mức độ phát triển, xã hội sẽ tìm ẩn các điều kiện tự hủy diệt cái lỗi thời và tạo cơ hội biến đổi, đưa xã hội vào các trạng thái/mức độ phát triển tiếp sau đó.

sẽ gây cản trở cho mọi sự biến đổi của Zaltman, G; R. Duncan (1977)<sup>5</sup>... Dẫu có nhiều ý kiến và nhiều lý thuyết khác biệt nhau lý giải về nội hàm của khái niệm này, nhưng trên cơ bản mọi thuyết đều nhấn mạnh đến tính tất yếu của sự biến đổi, xem đó như một quy luật vận động khách quan của cuộc sống.

Tổ chức xã hội được hiểu là những cấu trúc và cơ chế của trật tự xã hội và hợp tác về hành vi của các cá nhân trong một tập thể con người nhất định. Mỗi một tổ chức ra đời được xác định thực hiện một mục đích xã hội nào đó và thường kết nối với nhau bằng quan hệ xã hội, và thực hiện vai trò xã hội. Nếu hiểu theo cách hiểu mỗi một tổ chức xã hội là góp phần tạo nên sự hoàn chỉnh của cơ cấu xã hội thì sự biến đổi của các tổ chức ấy trong các thời kỳ lịch sử cũng chính là biểu hiện của sự biến đổi xã hội. Đó là sự biến đổi mang tính tự nhiên. Bất cứ một xã hội nào, một nền văn hoá nào cho dù có bảo thủ hoặc cổ truyền đến đâu đi chăng nữa cũng luôn luôn biến đổi, bởi lẽ không có con người và những thành tố văn hoá sáng tạo nào của họ mang tính bất biến; đặc biệt trong xã hội hiện đại ngày nay, sự biến đổi càng diễn ra một cách rõ hơn, nhanh hơn, cho thấy đó không còn là điều mới mẻ nữa, nó đã trở thành quy luật khách quan, tất yếu một cách tự nhiên.

Vấn đề đặt ra cho việc nghiên cứu “quy luật” biến đổi này là xác định rõ những xu hướng/mô hình biến đổi trong cộng đồng được nghiên cứu. Xu hướng xem cái mới như là sự đối lập với cái cũ để từ đó vội

<sup>5</sup> Gerald Zaltman và Robert Duncan (1977) cho rằng các nhân tố sẽ gây cản trở cho sự biến đổi là văn hoá, xã hội, tổ chức, tâm lý.

vàng phủ nhận cái cũ; hay xu hướng bảo lưu một cách cực đoan các giá trị nhận thức cũ; hoặc xu hướng dứt gãy/đấu tranh giữa cái cũ và cái mới; giao lưu và tiếp nhận... luôn nhận được nhiều ý kiến mâu thuẫn, đồng tình, thậm chí là phản đối trong lĩnh vực nghiên cứu sự biến đổi xã hội trong giới khoa học những năm gần đây. Đó là câu hỏi lớn không dễ gì có được sự trả lời cụ thể bởi việc đặt mục đích nghiên cứu là nhằm góp phần bảo tồn, phát triển bản sắc tộc người không phải là công việc đơn giản. Bất cứ một biểu hiện hay giá trị của di sản văn hóa nào cũng có lý do ra đời với chức năng lịch sử của nó, khi xã hội thay đổi, chức năng lịch sử không còn, chúng ta không thể có một công thức cứng nhắc ứng dụng cho mọi tình huống trong phương cách bảo tồn và gìn giữ. Mọi sự nghiên cứu biến đổi xã hội đều phải thật nghiêm túc, phải khảo sát và đặt mọi biểu hiện biến đổi trong sự so sánh cụ thể của bối cảnh xã hội. Trong bài viết này chúng tôi chỉ bước đầu khảo sát các biến đổi trong đơn vị làng - tổ chức xã hội truyền thống cơ bản và quan trọng nhất của người Cơ-tu.

## **2. Thực tiễn biến đổi tổ chức xã hội truyền thống ở người Cơ-tu**

Là tộc người bản địa ở vùng miền núi huyện Nam Đông, người Cơ-tu cùng với người Tà ôi, Bru-Vân Kiều đã có những đóng góp không nhỏ vào việc hình thành những giá trị “văn hóa rừng” ở miền núi tỉnh Thừa Thiên trên các lĩnh vực cuộc sống như sản xuất, tinh thần và vật chất... Trong chủ trương đổi mới toàn diện đất nước, định hướng mô hình công nghiệp hóa hiện đại hóa của Đảng và Nhà nước, cơ cấu xã hội tộc người Cơ-tu nói chung và các tổ chức xã

hội truyền thống nói riêng đang có nhiều biến đổi sâu sắc. Từ sau năm 1986, đặc biệt là từ sau khi Luật đất đai ra đời (2003) và việc tăng cường quyền lực cho chính quyền cấp xã - cấp cơ sở, đại diện cuối cùng của bộ máy quản lý nhà nước ở địa phương, mô hình cơ cấu tổ chức xã hội truyền thống, trước hết là cơ cấu tự quản làng cổ truyền của tộc người đã không còn như cũ.

*Trước hết*, so với không gian và vị trí một làng truyền thống trước đây, hình dáng và không gian ngôi làng hiện tại của người Cơ-tu ở vùng Nam Đông đã có nhiều thay đổi. Nhiều làng không còn đứng độc lập, cư trú trong một thung lũng nhỏ hẹp giữa lưng chừng núi cao hay trong rừng sâu. Cổng làng, hàng rào làng, máng nước, kho thóc và nghĩa địa chung cũng không tuân theo quy tắc công chính, công phụ. Yếu tố “phòng thủ tự nhiên” bằng các dốc đồi, khe sâu, vực thẳm, các con suối bao quanh làng của ngày xưa cũng không còn chặt chẽ. Sự quản tụ thành bản làng hiện nay của tộc người không quá phụ thuộc vào tính chất bên trong của cộng đồng nữa mà đã chịu sự tác động của việc thay đổi môi trường sinh cảnh mới<sup>6</sup>. Ví như nhà *gvol* - biểu tượng của làng truyền thống vẫn được xây dựng khi làng mới ra đời, nhưng một vài biểu hiện như kích thước, vật liệu, vị trí, biểu tượng trang trí

<sup>6</sup> Trong vòng 10 năm trở lại đây, kết cấu hạ tầng cơ sở ở huyện Nam Đông được đầu tư xây dựng, nhiều trục đường chính nối trung tâm huyện với các đường dẫn về thành phố Huế (đường La Sơn - Nam Đông, đường 74, tỉnh lộ 14 B) và liên thông với đường mòn Hồ Chí Minh. Một loạt các công trình bê tông được xây dựng như các nhà máy thủy điện Thượng Nhật, nhà máy xi măng Nam Đông... Làng bản của đồng bào cũng được khuyến khích xây dựng ở những vị trí tương ứng, phù hợp, nhiều mô hình cư trú mới được áp dụng cho phù hợp chủ trương phát triển kinh tế vùng miền núi.

*grol*, tính chất sinh hoạt có sự thay đổi, do tác động của yếu tố bên ngoài<sup>7</sup>.

*Thứ hai*, chức năng cơ bản là sự quản lý điều tiết xã hội thông qua hoạt động tự quản của làng suy giảm. Một số chức danh của tổ chức tự quản cộng đồng bị mờ nhạt. Cụ thể là sự biến mất của vai trò thủ lĩnh quân sự - người đứng đầu tổ chức các cuộc săn bắn và chiến tranh. Vai trò của người hát lý/nói lý - nhân vật xét xử cũng tự suy giảm chức năng ngoại giao của mình mà chỉ còn đại diện như người hát đối đáp trong các lễ cưới, lễ hội có tính cổ truyền. Hội đồng già làng không còn giữ vai trò giúp việc cho chủ làng dưới vai trò cố vấn tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động của làng nữa. Họ chỉ còn vị trí là những người “đang nắm giữ” nét cổ truyền trong phong tục tập quán, tri thức bản địa của cộng đồng. Tiếng nói của họ chỉ có giá trị khi chính quyền hiện tại cần những ý kiến đóng góp trong việc xây dựng hay bảo tồn giá trị văn hoá tộc người. Riêng vai trò thầy cúng thì vẫn có ảnh hưởng lớn đến các thành viên cộng đồng.

Đối với già làng của tổ chức tự quản cộng đồng, vai trò điều hành tổng thể không còn và hiện nay đã được chuyển giao qua hình thức của người trưởng thôn - một mô hình mới trong cơ chế quản lý hành chính hiện tại.

Còn “chủ làng” với tư cách là chủ đất, trưởng dòng họ đến khai thiên lập địa vùng đất đã mất dần vai trò quyết định việc quản lý đất đai, sông suối, rừng núi... cũng như việc cùng với già làng điều hành mọi công việc của làng, từ chọn nơi dựng làng mới,

xây dựng nhà cộng đồng đến tổ chức sản xuất, giải quyết mâu thuẫn hoặc xét xử luật tục... Các công việc đó được giao cho một quyền lực mới với tên gọi “hành chính” là “trưởng thôn”, hay “thôn trưởng”, người đại diện cho một mắt xích trong hệ thống quản lý hành chính, người truyền đạt ý kiến của xã, cùng dân làng (hay dân thôn) thi hành những quyết định của xã hoặc các cấp hành chính cao hơn.

Khảo sát tại 4 xã Thượng Lộ, Thượng Long, Thượng Nhật và Hương Sơn cho thấy trưởng thôn hiện nay không hẳn và không nhất thiết phải là già làng, bởi lẽ tiêu chí được làm trưởng thôn bây giờ có những điều khác so với tiêu chí của chủ làng ngày trước. Bên cạnh những ưu điểm của sự nhiệt tình, giỏi giang, mạnh khỏe của người đứng đầu nói chung, trưởng thôn ngày nay đòi hỏi phải thành thạo tiếng Kinh (cả đọc và viết). Các cuộc khảo sát thực tế cũng cho thấy 100% trưởng làng/trưởng thôn hiện nay đều sử dụng song ngữ. Những người thôn trưởng trẻ hơn có khả năng sử dụng tiếng phổ thông, sử dụng song ngữ thành thạo hơn. Về mặt quan niệm, hầu hết các trưởng thôn hay già làng đều cho rằng việc biết tiếng Kinh là một trong những tiêu chí quan trọng để được đề đạt làm trưởng thôn. Bên cạnh đó, họ cũng phải trải qua các cấp đào tạo về trình độ văn hóa, hoặc tối thiểu là các lớp bổ sung trình độ học vấn. Đa phần các thôn trưởng ở vùng nghiên cứu hiện nay có độ tuổi từ 30 trở lên. Họ được hưởng phụ cấp của Nhà nước và chịu trách nhiệm trước các cấp chính quyền cao hơn.

*Thứ ba*, đối với vấn đề sở hữu đất đai, trong khi luật tục người Cơ-tu vẫn quy định đất đai nằm trong phạm vi làng do làng

<sup>7</sup> Nhà *grol* được xây dựng hiện nay ở các làng người Cơ-tu chủ yếu do các chương trình dự án xây dựng.

quản lý, thuộc về sở hữu tập thể, không ai có quyền tư hữu, thì Luật đất đai (2003) quy định Nhà nước là đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai và thống nhất quản lý về đất đai, chế độ quản lý và sử dụng, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng. Hai cơ chế quy định sự sở hữu khác nhau này đang làm thay đổi chức năng tổ chức xã hội truyền thống, thay đổi mối quan hệ cộng đồng, sự phân công lao động trong tổ chức sản xuất của tộc người.

Nhìn chung, ở Nam Đông, trong những năm gần đây đất nương rẫy của các hộ đã được Nhà nước giao quyền quản lý lâu dài, cá nhân không được tự do phát rẫy mới. Theo đó, vai trò quản lý đất đai của tổ chức tự quản ngày càng giảm sút. Tuy vậy, chế độ sở hữu đất đai cổ truyền của đồng bào vẫn tồn tại bên cạnh Luật đất đai hiện nay của Nhà nước, đó là việc cá nhân chiếm hữu một số bãi đất bằng ở vùng sông suối, vùng đồi núi thấp và đặc biệt là sở hữu cộng đồng về rừng “tâm linh” (rừng thiêng, rừng ma). Ở địa bàn nghiên cứu, thực tế không có nhiều vụ việc tranh chấp về quyền sử dụng đất rừng giữa cộng đồng và tư nhân.

### **3. Giải pháp bảo tồn, phát huy tổ chức xã hội truyền thống**

Thực tế hiện nay cho thấy quá trình xâm nhập của kinh tế thị trường, lối sống cá nhân ngày càng lấn át quan hệ cộng đồng người Cơ-tu, và như một tất yếu, tổ chức tự quản, luật tục, tri thức bản địa, phong tục tập quán cũng ngày càng bị mai một. Vì vậy, theo chúng tôi cần có những giải pháp hữu hiệu và tích cực nhằm bảo tồn hình thức tự quản cộng đồng, bao gồm già làng, hội đồng già làng bên cạnh tổ chức hành chính nhằm

kết hợp có hiệu quả hai hình thức quản lý này góp phần vào việc phát triển bền vững xã hội vùng dân tộc thiểu số Cơ-tu ở huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Những giải pháp đó là:

+ Duy trì sự tồn tại già làng và Hội đồng già làng mà trong đó già làng phải được Hội đồng già làng và toàn dân đề cử hoặc bầu miễn; ông phải là người am hiểu phong tục tập quán, có uy tín, được mọi người nể trọng.

+ Già làng và Hội đồng già làng phải soạn thảo những quy ước hoạt động của làng mình; những quy ước đó phải được sự bàn bạc thống nhất của cộng đồng dân cư và của cả các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn, như quy định cách thức tổ chức lễ hội, tang ma, cưới xin, qui định cách thức làm nhà, qui định hình thức chăn nuôi gia súc, gia cầm, qui định hình thức săn bắt, đánh cá, hái lượm...

+ Già làng và Hội đồng già làng cùng kết hợp với các tổ chức hành chính địa phương để giải quyết các công việc liên quan đến chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức tự quản như là một bộ phận gắn bó mật thiết, hỗ trợ cho tổ chức hành chính để quản lý xã hội dựa trên cơ sở pháp luật Nhà nước và luật tục của địa phương. Luật tục ở đây không đi ngược lại với pháp luật mà phù hợp và hỗ trợ cho pháp luật đi vào đời sống của người dân. Ngược lại tổ chức hành chính khi triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ đến đồng bào các dân tộc thiểu số, cần có sự bàn bạc thống nhất với già làng, Hội đồng già làng. Thực tế trong những năm gần đây những chủ trương, chính sách nào kết hợp với già làng, Hội

đồng già làng, chủ trương, chính sách đó sẽ đi vào lòng dân và có hiệu quả lâu dài.

+ Cần phải soạn thảo những luật tục của cộng đồng để luật tục đó phục vụ cho việc quản lý xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số có hiệu quả hơn, để người dân thực hiện theo pháp luật của Nhà nước, nhưng không bỏ quên phong tục tập quán, luật tục của mình. Nếu đưa pháp luật về các cộng đồng dân cư nơi đây nhưng không kết hợp với luật tục, phong tục tập quán sẽ dẫn đến một sự hẫng hụt trong quá trình tiếp nhận pháp luật và điều đó sẽ dẫn đến một sự “nhiều loạn” trong lối sống mà như Alvin Toffler đã từng cảnh báo: Một nền văn hóa bị cắt đứt về quá khứ thì sẽ tạo nên cú sốc văn hóa<sup>8</sup> (Toffler, 1965).

+ Tăng cường hơn nữa quan hệ cộng đồng tình làng nghĩa xóm, quan hệ dòng tộc và các hoạt động văn hóa cộng đồng, qua các hình thức lễ hội cúng tế thần linh, các lễ nghi, tang ma, hôn nhân... để thông qua đó vai trò của già làng, Hội đồng già làng, luật tục, phong tục tập quán được bảo tồn và phát huy.

Tóm lại, quản lý xã hội vùng đồng bào Cơ-tu luôn phải tồn tại hai hình thức: tự quản và quản lý hành chính. Hai hình thức quản lý xã hội này không loại trừ nhau mà luôn bổ sung cho nhau, tạo nên tính bền vững trong việc điều hành và thực thi các công việc của cộng đồng. Làm tốt điều này sẽ giúp cộng đồng Cơ-tu ở Nam Đông phát triển, sánh vai cùng các dân tộc khác trong việc xây dựng và quản lý nông thôn mới hiện nay.

<sup>8</sup> Alvin Toffler (1965) luôn nhấn mạnh cụm từ “information overload” là nguyên nhân của mọi cú sốc văn hóa của xã hội nhân loại.

### Tài liệu tham khảo

1. Harriet, Martineau (Freely Translated and Condensed) (2000), *The Positive Philosophy of Auguste Comte*, Batoche Books, Kitchener.
2. Lewin, Kurt (1951), *Field theory in social science*, University of Chicago Press.
3. “Models of Social Change”, trên trang [http://www.Cliffsnotes.com/study\\_guide/topic/ArticleId-26957,articleId-26953.html](http://www.Cliffsnotes.com/study_guide/topic/ArticleId-26957,articleId-26953.html) (truy cập ngày 20/6/2012).
4. Raymond, Firth (1964), *Essay on Social Organization and Values*, University of London, the Athlone Press.
5. Nguyễn Hữu Thông (2005), *Văn hóa làng miền núi Trung bộ Việt Nam: Giá trị truyền thống và những bước chuyển lịch sử (dẫn liệu từ miền núi Quảng Nam)*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
6. Toffler, Alvin (1965), “The Future as a way life”, *Horizon manazine*, Summer, Vol. VII, No. 3.
7. Zaltman, Gerald and Robert Duncan (1977), *Strategies for Planned Change*, John Wiley & Sons, New Yorks, NY.



Người Mạ, xã Đăk Som, huyện Đăk GLong, tỉnh Đăk Nông

Ảnh: Trung Dũng